

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/6/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Văn Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Viết Tác.
2. Bà Ma Thị Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Hà - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tập - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2024/TLST-DS ngày 04/3/2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-DS ngày 02/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-DS ngày 24/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng BIDV; địa chỉ: Tháp BIDV, số 194, Trần Quang K, phường Lý Thái T, Quận H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện được uỷ quyền: Ông Phạm Quốc T; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng BIDV, Chi nhánh B; địa chỉ: Tổ 8A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. (Theo Văn bản uỷ quyền số: 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng BIDV).

Đại diện uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn L. Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Chợ Đồn, Ngân hàng BIDV - Chi nhánh B. (Theo Văn bản uỷ quyền

số: 1862/QĐ-BIDV.BK ngày 01/12/2023 của Giám đốc Ngân hàng BIDV). Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà Ma Thị N; sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2023, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/01/2019 Chi nhánh Ngân hàng BIDV, Phòng Giao dịch B và bà Ma Thị N có ký hợp đồng tín dụng số 01/2019/3000096/HĐTD với nội dung: Ngân hàng BIDV cho bà Ma Thị N vay số tiền 150.000.000 đồng. Mục đích vay vốn để tiêu dùng; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất cho vay là: 11.5%/năm, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lịch trả nợ gốc, lãi: định kỳ trả nợ hàng tháng. Biện pháp bảo đảm là: Thẻ chấp lương (khi vay vốn bà Ma Thị N đang công tác tại Chi nhánh B). Ngày 30/01/2019 Ngân hàng BIDV giải ngân khoản vay. Bà Ma Thị N đã rút tiền khoản vay trên cùng ngày 30/01/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng Ma Thị N đã thanh toán cho Ngân hàng BIDV được số tiền 90.847.284 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc đã thanh toán là 57.750.000 đồng, tiền lãi đã thanh toán là 33.097.284 đồng. Ngày trả nợ cuối cùng là 21 tháng 5 năm 2020, sau đó bà N không tiếp tục thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng BIDV theo thỏa thuận trong Hợp đồng nên Ngân hàng BIDV chuyển nợ quá hạn đối với bà N 24/01/2021. Tính đến ngày 07/11/2023 bà N còn nợ Ngân hàng BIDV với tổng số tiền là 129.602.532 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 92.250.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 30.766.500 đồng, tiền quá hạn (phí) là 6.586.032 đồng.

Nay Ngân hàng BIDV khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Ma Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng BIDV, Chi nhánh B tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 07/11/2023 là 129.602.532 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 92.250.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 30.766.500 đồng, tiền quá hạn là 6.586.032 đồng và phải trả toàn bộ số tiền lãi phát sinh tính kể từ ngày 08/11/2023 đến khi bà Ma Thị N thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng 01/2019/3000096/HĐTD ngày 30/01/2019 đã ký kết với Ngân hàng BIDV.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ, bị đơn bà Ma Thị N đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại chính quyền địa phương nơi bà Ma Thị N cư trú theo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn bà Ma Thị N không đến Tòa làm việc,

không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc buộc bà Ma Thị N phải trả cho Ngân hàng BIDV, Chi nhánh Bắc Kạn tổng số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 07/11/2023 là 129.602.532 đồng. Trong đó: Tiền nợ gốc là 92.250.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 30.766.500 đồng, tiền quá hạn (phí) là 6.586.032 đồng và phải trả toàn bộ số tiền lãi quá hạn, phí phát sinh cho đến khi bà Ma Thị N thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/3000096/HĐTD ngày 30/01/2019 đã ký kết với Ngân hàng BIDV; về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Ma Thị N phải có trách nhiệm thanh toán tiền nợ theo hợp đồng tín dụng, các bên ký kết hợp đồng không vì mục đích lợi nhuận nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 16 Điều 4 của Luật các tổ chức tín dụng xác định vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng là phù hợp.

Bị đơn bà Ma Thị N có địa chỉ cư trú tại thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên toà; bị đơn bà Ma Thị N đã được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Toà án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy: Ngày 30/01/2019 Chi nhánh Ngân hàng BIDV, Phòng Giao dịch C và bà Ma Thị N có ký hợp đồng tín dụng số 01/2019/3000096/HĐTĐ, theo đó Ngân hàng BIDV đồng ý cho bà Ma Thị N vay số tiền 150.000.000 đồng. Mục đích vay vốn để tiêu dùng; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất cho vay là: 11.5%/năm, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lịch trả nợ gốc, lãi: định kỳ trả nợ hàng tháng. Biện pháp bảo đảm là: Thế chấp lương. Thực hiện theo hợp đồng, ngày 30/01/2019 Ngân hàng BIDV đã giải ngân cho bà Ma Thị N số tiền vay là 150.000.000 đồng. Việc xác lập giao dịch và hợp đồng tín dụng và lãi suất giữa Ngân hàng BIDV và bà N là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 97 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Ma Thị N đã thanh toán cho Ngân hàng BIDV được số tiền 90.847.284 đồng, trong đó: Tiền gốc đã trả là 57.750.000 đồng, tiền lãi đã trả là 33.097.284 đồng. Từ ngày 21 tháng 5 năm 2020 bà Ngọc không tiếp tục thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng BIDV theo thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký nên Ngân hàng BIDV chuyển nợ quá hạn đối với bà N 24/01/2021. Như vậy, bà N đã vi phạm Điều 7 của hợp đồng tín dụng. Do đó, Ngân hàng BIDV khởi kiện yêu cầu bà N phải thanh toán toàn bộ khoản vay còn lại theo hợp đồng đã ký tạm tính đến ngày 07/11/2023 là 129.602.532 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 92.250.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 30.766.500 đồng, tiền lãi quá hạn (phí) là 6.586.032 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/11/2023 cho đến khi trả xong khoản vay là có cơ sở.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn bà Ma Thị N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, bà N không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Bị đơn có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra chứng cứ thì Toà án giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật dân sự.

Từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng BIDV đối với bà Ma Thị N về nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng số 01/2019/3000096/HĐTD ngày 30/01/2019 giữa Ngân hàng BIDV với bà Ma Thị N.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương BIDV, Chi nhánh B đối với bà Ma Thị N.

1. Buộc bà Ma Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng BIDV, Chi nhánh B tổng số tiền nợ tính đến ngày 07/11/2023 là 129.602.532 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 92.250.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 30.766.500 đồng, tiền lãi quá hạn (phí) là 6.586.032 đồng.

Kể từ ngày 08/11/2023 bà Ma Thị N còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà N phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Bà Ma Thị N phải chịu 6.480.126 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ngân hàng BIDV, Chi nhánh B được hoàn lại số tiền 3.240.063 đồng đã

nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0003282 ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKS huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Triệu Văn Mẫn